

Số: **06/2022/QĐST-DS**

Hương Thủy, ngày 08 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường và ông Lê Viết Tân.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án vụ án dân sự thụ lý số: 46/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp đòi lại đất cho ở nhờ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D (tức là: G), sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ 12, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 02/136 đường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Kiên A – Luật sư Công ty Luật TNHH Đ. Địa chỉ: Số 07 đường T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ 12, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 12, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1981 và chị Trần Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 12, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên đương sự công nhận về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D (tức là G) và bị đơn là ông Nguyễn Văn K, là thửa đất số mang số hiệu 82, tờ bản đồ số 43, có diện tích theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2004 là 8.227,7m²; Diện tích đo đạc theo hiện trạng hiện nay là 7.325,9m² tọa lạc tại Tổ 12, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là thuộc quyền sử dụng hợp pháp về mặt thực tế của bà Nguyễn Thị D, do bà Nguyễn Thị D đã phát bì khai hoang canh tác, trồng cây cối, hoa màu trên đất và quản lý, sử dụng từ năm 1984 cho đến nay. Các bên đương sự thỏa thuận:

- Tạm giao cho bị đơn là ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân P và chị Trần Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng một phần đất có diện tích là 925,7m² nằm trong thửa đất số 82 (ký hiệu Thửa đất số 189), tờ bản đồ 43, tọa lạc tại Tổ 12, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vị trí thửa đất là nơi có nhà ở của gia đình ông Nguyễn Văn K. Tỷ lệ các cạnh của thửa đất được xác định theo Bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định này.

- Tạm giao cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D (tức là G) tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 43, có diện tích còn lại là 6.400,2m², tọa lạc tại Tổ 12, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tỷ lệ các cạnh của thửa đất được xác định theo bản vẽ hiện trạng thửa đất (ký hiệu Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 43) kèm theo quyết định này.

Ranh giới quyền sử dụng đất của hai thửa đất số 189 và số 82, tờ bản đồ 43 là một đường thẳng, tính từ điểm số 01 đến điểm số 02, sát tường rào đã được xây dựng ngăn cách giữa hai thửa đất bằng tường bờ lô xi măng, do bà Nguyễn Thị D xây dựng (có Bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo).

Các bên đương sự phải chịu trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hai bên thỏa thuận nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D (tức là G) chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm theo loại không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật, nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi, thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Về chi phí tố tụng khác: Là lệ phí đo đạc định giá, thẩm định tài sản 02 lần và lệ phí bản vẽ hết 9.694.000 đồng. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu chi phí tố tụng này, bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ tạm ứng số tiền trên, nay được khấu trừ khỏi phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- + VKSND thị xã Hương Thủy;
- + Chi cục THADS thị xã Hương Thủy ;
- + Các đương sự;
- + Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- + Lưu hồ sơ, lưu dấu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú